

Số: 351/TB-TTYT

Hàm Yên, ngày 20 tháng 10 năm 2023

THÔNG BÁO
VỀ VIỆC BÁN THANH LÝ TÀI SẢN
TRẠM Y TẾ XÃ YÊN LÂM

Trung tâm y tế huyện Hàm Yên thông báo bán tài sản thanh lý:

1. *Tài sản bán thanh lý* : là nhà tập thể và nhà bếp của Trạm Y tế xã Yên Lâm
2. *Giá của tài sản bán thanh lý*:
 - Chi phí tháo dỡ là 39.286.000 đồng (Ba mươi chín triệu hai trăm tám mươi sáu nghìn đồng chẵn)
 - Giá trị thu hồi giá tài sản là 4.740.000 đồng (Bốn triệu bảy trăm bốn mươi nghìn đồng chẵn)
3. *Thời gian tổ chức bán tài sản thanh lý*: 08 giờ ngày 24 tháng 10 năm 2023.
4. *Địa điểm bán tài sản thanh lý*: Tại Trạm Y tế xã Yên Lâm, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang.
5. *Thời gian đăng ký tham gia mua tài sản thanh lý*: Từ 14 giờ 30' ngày 20 tháng 10 năm 2023 đến 16 giờ 30' ngày 23 tháng 10 năm 2023.
6. *Đăng ký tham gia mua tài sản thanh lý*: Tất cả các tổ chức, cá nhân, đơn vị có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật, có nhu cầu mua tài sản thanh lý đề nghị đến đăng ký mua tại Trung tâm y tế huyện Hàm Yên.

Nơi nhận:

- TTYT; (niêm yết công khai)
- Các thành viên HĐQT;
- Trạm Yên Lâm
- Lưu VT-TTYT.

GIÁM ĐỐC



Phùng Duy Bảo



BẢNG TỔNG HỢP CHI PHÍ THẢO DỒ VÀ GIÁ TRỊ VẬT LIỆU THU HỒI
Công trình: Nhà làm việc, cơ sở vật chất trạm Y tế xã Yên Lâm, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang

STT	Mã hiệu	Tên công tác	Đơn vị	Khối lượng	Chi phí tháo dỡ		Giá trị thu hồi		Ghi chú
					Đơn giá	Thành tiền (đồng)	Đơn giá	Thành tiền (đồng)	
		TRẠM Y TẾ XÃ YÊN LÂM				36.374.780			
		Nhà trạm (khởi hành chính)				1.302.256			
1	AA.31221	Tháo dỡ mái tôn bằng thủ công, chiều cao ≤6m	m2	200,0700	6.509				
2	SA.21271	Tháo dỡ trần	m2	95,7600	13.018	1.246.604			
3	SA.21613	Tháo dỡ các kết cấu thép - vì kèo, xà gỗ (xà gỗ thép hình C40*80*10*1,4)	tán	0,4807	5.993.259	2.880.960	8.000	3.845.600	
4	AA.31312	Tháo dỡ cửa bằng thủ công - cửa gỗ	m2	25,9200	8.679	224.960			
5	SA.11332	Phá dỡ tường xây gạch chiều dày ≤22cm	m3	41,6680	251.987	10.499.794			
6	SA.11131	Phá dỡ móng đá	m3	26,3520	714.294	18.823.075			
7	SB.94311	Vận chuyển phế thải trong phạm vi 1000m bằng ô tô - 5,0T (Ô tô vận tải thùng)	m3	68,0200	20.540	1.397.131			
		NHÀ BẾP				2.911.059			
8	AA.31221	Tháo dỡ mái tôn bằng thủ công, chiều cao ≤6m	m2	36,0000	6.509	234.324			
9	SA.21613	Tháo dỡ các kết cấu thép - vì kèo	tán	0,1118	5.993.259	670.046	8.000	894.400	
10	AA.31312	Tháo dỡ cửa bằng thủ công	m2	11,3700	8.679	98.680			
11	SA.11331	Phá dỡ tường xây gạch chiều dày ≤1cm	m3	5,3053	228.177	1.210.547			
12	SA.11121	Phá dỡ móng gạch	m3	1,4100	396.830	559.530			
13	SB.94311	Vận chuyển phế thải trong phạm vi 1000m bằng ô tô - 5,0T (Ô tô vận tải thùng)	m3	6,7153	20.540	137.932			
		Tổng cộng				39.285.839		4.740.000	
		Làm tròn				39.286.000		4.740.000	